BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 08/2019/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2019*

VĂN PHÒNG ĐĐBQH, HĐND
VÀ UBND TỈNH TÂY NINH
ĐẾN Số: 937
Ngày: 13/3/19
Chuyển: ...

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016- 2020

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Thực hiện Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016- 2020 (sau đây gọi là Quyết định số 1600/QĐ-TTg); Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1600/QĐ-TTg;

Thực hiện Quyết định số 435/QĐ-TTg ngày 21/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình công tác năm 2018 của Ban Chỉ đạo Trung ương các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính hành chính sự nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016- 2020.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016- 2020

1. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 1 như sau:

"Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp của ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016- 2020 theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg và Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1600/QĐ-TTg, trừ các khoản hỗ trợ có mục đích, địa chỉ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, hoặc các khoản hỗ trợ mà nhà tài trợ hoặc đại diện có thẩm quyền của nhà tài trợ và Bộ Tài chính có thỏa thuận về nội dung chi và mức chi".

2. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 và Khoản 3 Điều 2 như sau:

"Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

2. Kinh phí sự nghiệp thực hiện các nội dung của Chương trình phải hướng tới đạt mục tiêu thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016- 2020 ban hành tại Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới ban hành tại Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ, tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2018-2020 ban hành tại Quyết định 691/QĐ-TTg ngày 05 tháng 6 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Kế thừa và lồng ghép nội dung, kinh phí của Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016- 2020, các chương trình mục tiêu, các chương trình, dự án khác đang triển khai trên địa bàn nông thôn; phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt."

3. Bổ sung Khoản 1, Khoản 3 và Khoản 6 Điều 3 như sau:

"Điều 3. Nội dung, mức chi chung

1. Chi tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn (hội nghị chuyên môn, hội nghị sơ kết và tổng kết chuyên đề, hội nghị tổng kết năm; hội nghị tập huấn triển khai nhiệm vụ; lớp tập huấn đào tạo bồi dưỡng thực hiện các nội dung của Chương trình): Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị đối với cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp (sau đây viết tắt là Thông tư số 40/2017/TT-BTC); Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17/8/2018 hướng dẫn nội dung chi, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp; Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

3. Chi tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế của Chương trình (bao gồm cả tiếng dân tộc) tại Việt Nam và

tiếp khách trong nước: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước.

6. Chi tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài nước: Theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC và Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 06 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách Nhà nước đảm bảo kinh phí."

4. Sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 6 như sau:

" **Điều 6. Nội dung chi, mức chi**

3. Nguồn kinh phí thực hiện: Do ngân sách nhà nước hỗ trợ từ nguồn chi sự nghiệp văn hóa thông tin của Chương trình; lồng ghép từ các chương trình mục tiêu, chương trình, dự án và nguồn kinh phí hợp pháp khác."

5. Bổ sung Mục 2a Chương II như sau:

"Mục 2a. PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KINH TẾ XÃ HỘI

Tiểu mục 1:
Hoàn thiện hệ thống Trung tâm văn hóa - thể thao,
Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, bản.

Điều 6a. Nội dung chi, mức chi

1. Dự án đầu tư xây dựng, hỗ trợ trang thiết bị cho các Trung tâm văn hóa, thể thao xã

a) Chi hỗ trợ trang thiết bị phục vụ cho hoạt động văn hóa đối với Trung tâm văn hóa, thể thao, nhà văn hóa, hội trường sinh hoạt đa năng, điểm vui chơi giải trí cho trẻ em của các xã, phường, thị trấn. Mức chi không quá 40 triệu đồng/1 Trung tâm văn hóa, thể thao, nhà văn hóa, hội trường sinh hoạt đa năng, điểm vui chơi giải trí cho trẻ em.

b) Chi đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cho các cán bộ công tác tại thiết chế văn hóa, thể thao cấp xã. Mức chi thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 của Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính.

2. Dự án đầu tư xây dựng, hỗ trợ trang thiết bị cho các Nhà văn hóa- Khu thể thao thôn, bản: Chi hỗ trợ trang thiết bị phục vụ cho hoạt động văn hóa đối với các Nhà văn hóa, khu thể thao thôn, làng, ấp, bản, điểm vui chơi giải trí cho trẻ em. Mức hỗ trợ không quá 30 triệu đồng/01 nhà văn hóa, khu thể thao thôn, làng, ấp, bản, điểm vui chơi giải trí cho trẻ em.

3. Hỗ trợ xây dựng trang thông tin điện tử của xã để xã đạt chuẩn tiêu chí số 8 về thông tin và truyền thông.

Điều 6b. Nguồn kinh phí

Nguồn kinh phí thực hiện do ngân sách nhà nước hỗ trợ từ nguồn chi sự nghiệp văn hóa thông tin của Chương trình; lồng ghép từ các chương trình mục tiêu, các chương trình, dự án và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Tiểu mục 2:
Hoàn chỉnh các công trình đảm bảo cung cấp nước sinh hoạt cho người dân

Điều 6c. Nội dung chi, mức chi

1. Nội dung chi

Công tác theo dõi, đánh giá bộ chỉ số nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; kiểm tra, đánh giá chất lượng nước tại hộ gia đình vùng nguồn nước bị ô nhiễm.

2. Mức chi: UBND cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân quy định mức chi cụ thể để thực hiện.

Điều 6d. Nguồn kinh phí

Nguồn kinh phí thực hiện do ngân sách nhà nước hỗ trợ từ nguồn chi các hoạt động kinh tế của Chương trình; lồng ghép từ các chương trình mục tiêu, các chương trình, dự án và các nguồn kinh phí hợp pháp khác."

6. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1, Điểm a, Điểm d Khoản 2 và Khoản 5 Điều 7 như sau:

"**Điều 7. Hỗ trợ dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm**

1. Liên kết theo chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp là hình thức liên kết trong sản xuất, sơ chế hoặc chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

2. Nội dung chi, mức chi

a) Chi hỗ trợ tư vấn xây dựng liên kết (chỉ áp dụng đối với xây dựng liên kết theo chuỗi giá trị mới), bao gồm tư vấn, nghiên cứu để xây dựng phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, phát triển trị trường. Mức hỗ trợ 100% chi phí thực hiện, tối đa không quá 300 triệu đồng theo quy định tại Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

d) Chi hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm theo dự án được cấp cấp có thẩm quyền phê duyệt, tối đa 3 vụ/chu kỳ sản xuất, cụ thể:

- Hỗ trợ tối đa 100% chi phí mua bao bì, nhãn mác sản phẩm.

- Hỗ trợ tối đa 100% chi phí mua giống và các vật tư thiết yếu (bao gồm: các loại phân bón, hóa chất, thức ăn chăn nuôi) ở địa bàn khó khăn, huyện nghèo.

- Hỗ trợ tối đa 70% chi phí mua giống và các vật tư thiết yếu ở địa bàn trung miền núi, bãi ngang.

- Hỗ trợ tối đa 50% chi phí mua giống và các vật tư thiết yếu ở địa bàn đồng bằng

5. Nguồn kinh phí thực hiện do ngân sách nhà nước hỗ trợ từ nguồn chi các hoạt động kinh tế của Chương trình, lồng ghép từ các Chương trình mục tiêu, Chương trình, dự án và các nguồn kinh phí hợp pháp khác."

7. Sửa đổi, bổ sung Điểm b Khoản 2 và Khoản 6 Điều 8 như sau:

"**Điều 8. Thực hiện Chương trình khoa học, công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới**

2. Điều kiện thực hiện đề tài, mô hình của Chương trình

b) Đối tượng và điều kiện thực hiện mô hình:

- Đối tượng: Các mô hình triển khai nội dung quy định tại Khoản 4 Mục II Điều 1 Quyết định số 45/QĐ-TTg.

- Điều kiện đơn vị thực hiện mô hình: Có chức năng, nhiệm vụ phù hợp với lĩnh vực thuộc mô hình cần triển khai, đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách Nhà nước, Thông tư số 03/2017/TT-BKHCN ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN (đối với các mô hình do ngân sách Trung ương hỗ trợ kinh phí) và yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với các mô hình do ngân sách địa phương hỗ trợ kinh phí); đồng thời tuân thủ Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ Khoa học và công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

3. Nội dung chi, mức chi đề tài nghiên cứu khoa học: Đối với các đề tài nghiên cứu khoa học do Trung ương quản lý thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của liên Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí. Đối với nhiệm vụ khoa học do ngân sách địa phương hỗ trợ kinh phí thực hiện theo quy định hiện hành của địa phương về quy định định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách.

6. Nguồn kinh phí thực hiện do ngân sách Trung ương hỗ trợ từ nguồn chi sự nghiệp khoa học công nghệ của chương trình; đối ứng từ ngân sách địa phương, nguồn tài trợ từ các tổ chức hợp tác quốc tế, của doanh nghiệp, các tổ chức hợp tác nông nghiệp và các nguồn kinh phí hợp pháp khác; lồng ghép từ các chương trình phát triển kinh tế xã hội và chương trình khoa học và công nghệ khác có liên quan".

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

"Điều 9. Hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn

"1. Nội dung chi, mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn, Quyết định số 490/QĐ-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018-2020 và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

2. Căn cứ nội dung chi, mức chi quy định tại Thông tư này và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo thực hiện mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ cụ thể cho từng nội dung phù hợp với điều kiện, nguồn lực của từng tỉnh.

3. Nguồn kinh phí thực hiện do ngân sách nhà nước hỗ trợ từ nguồn chi các hoạt động kinh tế của Chương trình, lồng ghép từ các Chương trình mục tiêu, Chương trình, dự án và các nguồn kinh phí hợp pháp khác."

9. Sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 13 như sau:

"Điều 13. Tuyên truyền, tư vấn học nghề, việc làm

3. Chi cho công tác xây dựng, biên soạn tài liệu để tổ chức bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng tuyên truyền, vận động đối với đội ngũ tuyên truyền viên. Mức chi cụ thể như sau:

a) Chi biên soạn tài liệu: 60.000 đồng/trang chuẩn (350 từ);

b) Chi sửa chữa, biên tập tổng thể: 40.000 đồng/trang chuẩn (350 từ);

c) Chi thẩm định, nhận xét: 35.000 đồng/trang chuẩn (350 từ)."

10. Sửa đổi, bổ sung Điểm c, Điểm d Khoản 1 Điều 17 như sau:

"Điều 17. Hỗ trợ sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị đào tạo, phương tiện vận chuyển đào tạo lưu động

1. Đối tượng được hỗ trợ

c) Trung tâm dịch vụ việc làm thanh niên; Trung tâm giáo dục nghề nghiệp thanh niên; Trung tâm dạy nghề, dịch vụ việc làm của các tổ chức chính trị xã hội.

d) Cơ sở trợ giúp xã hội có hoạt động hướng nghiệp, dạy nghề cho người khuyết tật."

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 20 như sau:

"Điều 20. Nguồn kinh phí

Nguồn kinh phí thực hiện do ngân sách nhà nước hỗ trợ từ nguồn chi sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề của Chương trình, lồng ghép từ các Chương trình mục tiêu, Chương trình, dự án và các nguồn kinh phí hợp pháp khác."

12. Bổ sung Tiểu mục 4 Chương II như sau:

"Tiểu mục 4. Nâng cao chất lượng thực hiện Chu trình trong Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018 - 2020 (tên tiếng Anh là: One commune one product, gọi tắt là Chương trình OCOP)

Điều 20a. Đối tượng, phạm vi, nội dung thực hiện

Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 490/QĐ-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018- 2020 và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 20b. Nội dung chi, mức chi

1. Nội dung chi

a) Chi xây dựng Đề án, Kế hoạch cấp tỉnh, huyện, bao gồm chi hỗ trợ điều tra, khảo sát, thu thập dữ liệu sản phẩm, thuê chuyên gia tư vấn xây dựng đề án, kế hoạch.

b) Chi hỗ trợ truyền thông, thông tin tuyên truyền; dữ liệu sản phẩm, tham gia hoạt động xúc tiến thương mại sản phẩm đạt sao OCOP; xây dựng tài liệu hướng dẫn, tập huấn, quảng bá phục vụ Chương trình OCOP.

c) Chi kiểm tra, hướng dẫn thực hiện Chương trình OCOP.

d) Chi tập huấn, đào tạo cán bộ thực hiện Chương trình OCOP, bao gồm tham quan, học tập kinh nghiệm trong và ngoài tỉnh. Trường hợp tổ chức đi thăm quan, học tập kinh nghiệm quốc tế cần được thực hiện theo các chỉ đạo của cấp có thẩm quyền, đúng quy định quản lý tài chính.

đ) Chi tập huấn, đào tạo tổ chức, cá nhân tham gia chu trình OCOP các cấp.

e) Chi tổ chức thi và đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP các cấp hàng năm, trong đó bao gồm chi thuê chuyên gia, vận chuyển và bảo quản sản phẩm dự thi, tổ chức chấm thi, chi phí kiểm tra chất lượng sản phẩm theo yêu cầu, tổ chức công bố kết quả.

g) Chi hỗ trợ quản lý nhãn hiệu các sản phẩm OCOP, bao gồm cả chi phí đăng ký nhãn hiệu sản phẩm, hỗ trợ chi phí thiết kế nhãn hiệu sản phẩm tham gia chu trình OCOP, in tem, giấy chứng nhận.

2. Mức chi: Thực hiện theo quy định hiện hành và quy định tại Điều 5 và Điều 6 và Điều 7 của Thông tư."

13. Sửa đổi, bổ sung Điều 23 như sau:

"Điều 23. Nguồn kinh phí

Nguồn kinh phí bố trí trong dự toán chi thường xuyên của ngân sách địa phương, nguồn kinh phí lồng ghép từ Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016- 2020, các chương trình an sinh xã hội và các nguồn kinh phí hợp pháp khác."

14. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 24 như sau:

"Điều 24. Nội dung chi, mức chi

1. Các nội dung chi, mức chi chung thực hiện theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 5 Điều 3 của Thông tư này, cụ thể:

a) Chi giám sát, kiểm tra, đánh giá đột xuất, định kỳ hàng năm, sơ kết giữa kỳ, tổng kết cuối kỳ các nội dung, nhiệm vụ của Chương trình; bao gồm cả kiểm tra công nhận giáo dục, xóa mù chữ, kiểm tra công tác đảm bảo đạt chuẩn cơ sở vật chất của các cơ sở giáo dục;

b) Chi hội nghị, hội thảo; chi tập huấn bồi dưỡng nội dung giáo dục đặc thù, tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên các trường chuyên biệt và các cơ sở giáo dục vùng dân tộc thiểu số; tập huấn, hỗ trợ kỹ thuật cho các đối tượng tham gia công tác xóa mù chữ, phổ cập giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và các nội dung liên quan đến xóa mù chữ, chống tái mù chữ, phổ cập giáo dục ở nông thôn.

c) Chi điều tra, khảo sát đối với các nội dung: Số người mù chữ, tái mù chữ trong độ tuổi 15-60; phổ cập giáo dục mầm non, tiểu học và trung học cơ sở; đảm bảo đạt chuẩn về cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục."

15. Sửa đổi, bổ sung Điều 25 như sau:

"Điều 25. Nguồn kinh phí

Nguồn kinh phí thực hiện do ngân sách nhà nước hỗ trợ từ nguồn chi sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề của Chương trình, lồng ghép từ các Chương trình mục tiêu, Chương trình, dự án và các nguồn kinh phí hợp pháp khác."

16. Sửa đổi, bổ sung Điều 26 như sau:

"Điều 26. Nội dung, mức chi chung

Nội dung và mức chi chung thực hiện theo quy định tại quy định tại Điều 3 Thông tư số 43/2017/TT-BTC và Điều 4 Thông tư số 26/2018/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế- Dân số giai đoạn 2016- 2020."

17. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 27 như sau:

"Điều 27. Chi đặc thù về chăm sóc sức khỏe sinh sản

1. Chi bồi dưỡng cho cô đỡ ở thôn, bản thuộc các xã vùng núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo đã được đào tạo và đang trực tiếp thực hiện các hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản tại cộng đồng (chưa được hưởng mức phụ cấp nhân viên y tế thôn bản theo Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chế độ phụ cấp của nhân viên y tế thôn bản): 0,3 lần mức lương cơ sở/người/tháng (mỗi thôn, bản chỉ hỗ trợ 1 cô đỡ)."

18. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1, Khoản 3 Điều 28 như sau:

"Điều 28. Chi đặc thù về cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em

1. Chi hỗ trợ mua nguyên vật liệu cho hoạt động thực hành dinh dưỡng, kỹ thuật chế biến thức ăn cho bà mẹ đang mang thai, người chăm sóc trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng hoặc thừa cân béo phì; trẻ em khuyết tật: 10.000 đồng/người."

3. Hỗ trợ trẻ em 6 tháng đến 60 tháng tuổi uống vitamin A tại cộng đồng:

a) Đối với xã đặc biệt khó khăn: 4.000 đồng/trẻ/liều (lần uống);

b) Đối với xã còn lại: 2.000 đồng/trẻ/liều (lần uống)."

19. Sửa đổi, bổ sung Điều 29 như sau:

"**Điều 29. Nguồn kinh phí**

Nguồn kinh phí thực hiện lồng ghép từ các Chương trình mục tiêu, chương trình, dự án và các nguồn kinh phí hợp pháp khác."

20. Sửa đổi, bổ sung Điểm a Khoản 3 Điều 30 như sau:

"**Điều 30. Nội dung chi**

1. Văn hóa phẩm sử dụng trong các thiết chế văn hóa:

a) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Văn hóa, Thể thao) thực hiện các nhiệm vụ, dự án được phê duyệt (các Đề tài nghiên cứu khoa học; các Dự án điều tra cơ bản) từ nguồn kinh phí thường xuyên thực hiện các nhiệm vụ này."

21. Sửa đổi, bổ sung Điều 31 như sau:

"**Điều 31. Nguồn kinh phí**

Nguồn kinh phí thực hiện do ngân sách nhà nước hỗ trợ từ nguồn chi sự nghiệp văn hóa thông tin; nguồn dự toán chi thường xuyên được giao hàng năm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các địa phương; lồng ghép từ các Chương trình mục tiêu, các chương trình, dự án và huy động đóng góp của cộng đồng dân cư."

22. Sửa đổi, bổ sung Điều 32 như sau:

"Điều 32. Chi hỗ trợ xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh

1. Nội dung chi: Hỗ trợ xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp công trình nhà tiêu hợp vệ sinh cho các hộ gia đình (hộ nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách và hộ gia đình có người khuyết tật); trường học (nhà trẻ, mẫu giáo, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường Trung học phổ thông), trạm y tế xã.

2. Mức chi:

a) Đối với các hộ gia đình

- Hộ nghèo theo tiêu chí thu nhập, hộ nghèo tiếp cận đa chiều thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản về hố xí/nhà tiêu hợp vệ sinh, gia đình chính sách, hộ gia đình có người khuyết tật được ngân sách nhà nước hỗ trợ không quá 70% giá thành nhà tiêu hợp vệ sinh mẫu;

- Hộ nghèo tiếp cận đa chiều không thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản về hố xí/nhà tiêu hợp vệ sinh, hộ cận nghèo được ngân sách nhà nước hỗ trợ không quá 35% giá thành nhà tiêu hợp vệ sinh mẫu.

b) Đối với các đối tượng khác (trường học, trạm y tế xã): UBND cấp tỉnh quy định mức hỗ trợ cụ thể nhưng không quá 25% giá thành nhà tiêu hợp vệ sinh mẫu.

c) UBND cấp tỉnh hoặc cơ quan được UBND cấp tỉnh ủy quyền phê duyệt thiết kế mẫu và giá thành nhà tiêu hợp vệ sinh phù hợp với điều kiện của địa phương làm căn cứ hỗ trợ.

3. Quy trình hỗ trợ xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh được thực hiện theo QCVN 01 được Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành theo Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế và hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh."

23. Sửa đổi, bổ sung Điều 35 như sau:

"Điều 35. Khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các làng nghề bị ô nhiễm nghiêm trọng."

24. Bổ sung Điều 35a như sau:

"Điều 35a.Thực hiện Đề án thí điểm hoàn thiện và nhân rộng mô hình bảo vệ môi trường trong xây dựng nông thôn mới tại các xã khó khăn, biên giới, hải đảo theo hướng xã hội hóa, giai đoạn 2017 – 2020

Các nội dung chi khác thực hiện Đề án thí điểm hoàn thiện và nhân rộng mô hình bảo vệ môi trường trong xây dựng nông thôn mới tại các xã khó khăn, biên giới, hải đảo theo hướng xã hội hóa, giai đoạn 2017 - 2020 theo Quyết định số 712/QĐ-TTg ngày 26 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ (ngoài các nội dung chi quy định tại Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 35 của Thông tư này) thực hiện theo quy định của Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp môi trường."

25. Sửa đổi, bổ sung Điều 36 như sau:

"Điều 36. Nguồn kinh phí

Nguồn kinh phí thực hiện do ngân sách nhà nước hỗ trợ từ nguồn chi sự nghiệp bảo vệ môi trường của Chương trình, lồng ghép từ các Chương trình mục tiêu, chương trình, dự án, đóng góp của cộng đồng dân cư, doanh nghiệp và tổ chức khác theo quy định của pháp luật và các nguồn kinh phí hợp pháp khác."

26. Bổ sung một khoản tại Điều 37 như sau:

"Nội dung số 5: Cải thiện và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công

Chi chuyển đổi, chuẩn hóa, tạo lập dữ liệu; chuẩn hóa quy trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Công nghệ thông tin."

27. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 39 như sau:

"1. Nguồn kinh phí thực hiện nội dung số 1 quy định tại Khoản 1 Điều 37 của Thông tư này do ngân sách nhà nước hỗ trợ từ nguồn chi sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề của Chương trình, lồng ghép từ các Chương trình mục tiêu, chương trình, dự án và các nguồn kinh phí hợp pháp khác."

28. Sửa đổi, bổ sung Điều 41 như sau:

"Điều 41. Nguồn kinh phí

Nguồn kinh phí thực hiện lồng ghép từ các Chương trình mục tiêu, chương trình, dự án và các nguồn kinh phí hợp pháp khác."

29. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 43 như sau:

"Điều 43. Ban hành Bộ tài liệu chuẩn phục vụ cho công tác đào tạo, tập huấn kiến thức cho cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì xây dựng Bộ tài liệu chuẩn phục vụ cho công tác đào tạo, tập huấn kiến thức cho cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới cung cấp cho các địa phương. Trên cơ sở Bộ tài liệu chuẩn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các địa phương căn cứ nhu cầu đào tạo, tập huấn, điều kiện thực tế, chủ động biên soạn bổ sung các chuyên đề và tổ chức in cung cấp cho các lớp tập huấn. Kinh phí biên soạn tài liệu và in ấn tài liệu được tính trong chi phí của lớp đào tạo, tập huấn."

30. Sửa đổi, bổ sung Điểm a Khoản 2 Điều 44 như sau:

"Điều 44. Truyền thông về xây dựng nông thôn mới

2. Nội dung chi, mức chi

a) Chi tuyên truyền

- Chi nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm báo chí, xuất bản phẩm (các chương trình, chuyên mục, tiểu phẩm, ký sự, bài viết): Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ quy định về nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản.

- Chi hỗ trợ sản xuất, biên tập, phát hành, truyền tải, lưu giữ, quảng bá các sản phẩm thông tin như tờ rơi, áp phích, pa-no, khẩu hiệu, đoạn băng hình (video clip), chương trình truyền thanh ...để tăng cường nội dung thông tin, tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới. Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ truyền thông chịu trách nhiệm lựa chọn hình thức, nội dung và mức hỗ trợ, bảo đảm nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ. Riêng đối với chi hỗ trợ biên tập các nội dung truyền thông tại cộng đồng (bao gồm tuyên truyền trên đài truyền thanh), mức hỗ trợ là 80.000 đồng/tin, bài có 350 từ đến dưới 600 từ và 100.000 đồng/bài có 600 từ trở lên;

- Chi duy trì cập nhật tin, bài liên quan đến xây dựng nông thôn mới trên trang thông tin điện tử của các Bộ, cơ quan Trung ương và các địa phương. Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 19/2012/TTLT-BTC-BKHĐT-BTTTT ngày 15 tháng 2 năm 2012 của liên Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước và Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước.

- Chi in ấn, phát hành các tài liệu, xuất bản phẩm, ấn phẩm tuyên truyền, xuất bản sách, sổ tay và các hoạt động khác có liên quan: Mức hỗ trợ thực tế do UBND tỉnh quyết định trên cơ sở cân đối nguồn kinh phí, quy mô, thời gian thực hiện và theo các quy định hiệ hành về quản lý sử dụng ngân sách nhà nước.

- Chi tổ chức sự kiện truyền thông (cuộc thi, lễ tôn vinh, ngày hội, hội chợ triển lãm): Thực hiện theo quy định và các hóa đơn, chứng từ hợp pháp được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Chi hỗ trợ các tổ chức chính trị, xã hội phối hợp tuyên truyền triển khai Chương trình: Theo quy định và hóa đơn, chứng từ hợp pháp và được cấp có thẩm quyền phê duyệt."

31. Sửa đổi, bổ sung Điểm d Khoản 1 Điều 46 như sau:

"Điều 46. Chi quản lý Chương trình

d) Chi xây dựng các mô hình thí điểm nghiên cứu, xây dựng cơ chế chính sách. Mức chi cụ thể thực hiện theo quy định hiện hành và các Thông tư hướng dẫn nội dung chi, mức chi theo từng lĩnh vực chuyên ngành."

32. Sửa đổi, bổ sung Điều 47 như sau:

"Điều 47. Nguồn kinh phí

1. Nguồn kinh phí thực hiện nội dung quy định tại Điều 42 và Điều 43 của Thông tư này do ngân sách nhà nước hỗ trợ; lồng ghép từ các chương trình mục tiêu, các chương trình, dự án và các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Ngân sách trung ương của Chương trình (chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề) hỗ trợ kinh phí tập huấn, nâng cao kiến thức, kỹ năng cho cán bộ xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh và kinh phí ban hành Bộ Tài liệu chuẩn phục vụ công tác đào tạo, tập huấn kiến thức cho cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới.

2. Nguồn kinh phí thực hiện nội dung quy định tại Điều 44 của Thông tư này do ngân sách nhà nước hỗ trợ từ nguồn chi sự nghiệp văn hóa thông tin của Chương trình; lồng ghép từ các chương trình mục tiêu, các chương trình, dự án và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

3. Nguồn kinh phí thực hiện nội dung quy định tại Điều 45 và Điều 46 của Thông tư này được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của các Bộ, cơ quan Trung ương và địa phương; chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề của Chương trình mục tiêu quốc gia; lồng ghép từ các chương trình mục tiêu, các chương trình, dự án và các nguồn kinh phí hợp pháp khác."

33. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 49 như sau:

"Điều 49. Lập dự toán, giao dự toán, phân bổ dự toán, thanh toán và quyết toán kinh phí duy tu, bảo dưỡng

2. Tạm ứng, thanh toán kinh phí duy tu, bảo dưỡng: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 92/2017/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí để thực hiện sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất".

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2019.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung , thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Tài chính để phối hợp giải quyết./.

Nơi nhận:
- VP Tổng Bí t hư; VP Quốc hội;
- VP Chủ tịch nước; VP Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan trung ương của các Hội, đoàn thể;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở TC, KBNN, Cục thuế các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở NN và PTNT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Công báo; Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ TC;
- Lưu: VT, HCSN.(400)

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Văn Hiếu